

Bản án số: 905/2024/DS-PT
Ngày 16 tháng 10 năm 2024
“V/v Đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 466/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 về “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2968/2024/QĐPT-DS ngày 24 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Trần Anh T**, sinh năm 1973 - Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 1060 Highway 15S Ste 90 Hutchinson, MN 55350-3199, USA;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Trần Anh T: Anh Nguyễn Tấn T¹, sinh năm 2001; Địa chỉ: Ấp Phú Mỹ 2, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2024 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc Dung, thành phố Vĩnh Long) – Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Trần Anh T:
Luật sư Nguyễn Minh Thái, Văn phòng luật sư Trần Tiến thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long – Có mặt;

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Huỳnh Hoàng G**, sinh năm 1970 – Vắng mặt;

2.2. Bà **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1972 – Có mặt;

Cùng địa chỉ: Số 1331/17, ấp Hòa Hiệp, xã Nguyễn Văn Thành, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Huỳnh Hoàng G và bà Nguyễn Thị U: Ông Lưu Thanh P, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 74/25C Phó Cơ Điều, Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2024 tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Văn Thành, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long) – Có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Huỳnh Ngọc T²**, sinh năm 2000 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Hòa Hiệp, xã Nguyễn Văn Thành, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long ;

Người đại diện hợp pháp của chị Huỳnh Ngọc T²: Anh Nguyễn Tấn T¹, sinh năm 2001; Địa chỉ: Ấp Phú Mỹ 2, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2024 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Ngọc Dung, thành phố Vĩnh Long) – Có mặt;

4. Người kháng cáo, kháng nghị:

4.1. Bị đơn ông Huỳnh Hoàng G và bà Nguyễn Thị U;

4.2. Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/9/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Anh T và người đại diện hợp pháp trình bày:

Trong thời gian anh dự định cưới chị Huỳnh Ngọc T² là con của ông Huỳnh Hoàng G, bà Nguyễn Thị U, từ ngày 14/3/2016 đến ngày 09/9/2018, thông qua hệ thống kiều hối Đông Á - Moneygram, anh đã chuyển tiền cho ông Huỳnh Hoàng G, bà Nguyễn Thị U mượn (vay không lãi) 38 lần, đều do ông Huỳnh Hoàng G ký nhận tiền, tổng cộng 30.300 USD để ông Huỳnh Hoàng G, bà Nguyễn Thị U mua Thửa đất số 3009, Tờ bản đồ số 11, diện tích 1.163,7 m²

và xây dựng căn nhà cấp 3 trên đất vào cuối năm 2019 với giá trị xây dựng khoảng 800.000.000 đồng.

Nay ông Huỳnh Hoàng G, bà Nguyễn Thị U đuổi vợ anh là chị Huỳnh Ngọc T² ra khỏi nhà nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Huỳnh Hoàng G, bà Nguyễn Thị U phải hoàn trả lại cho anh số tiền 716.571.900 đồng (quy đổi 30.300 USD; tỷ giá 23.650 đồng/USD).

Bị đơn ông Huỳnh Hoàng G và bà Nguyễn Thị U trình bày:

Năm 2016, anh Trần Anh T dự định cưới con của ông, bà là chị Huỳnh Ngọc T² nhưng do chị Huỳnh Ngọc T² chưa đủ tuổi kết hôn, nên cuối năm 2017 gia đình có tổ chức Lễ đính hôn, đến năm 2019 thì mới tổ chức Lễ cưới cho anh Trần Anh T với chị Huỳnh Ngọc T².

Trong thời gian anh Trần Anh T gửi tiền về thì chị Huỳnh Ngọc T² chưa làm giấy chứng minh nhân dân nên không thể nhận tiền, do đó anh Trần Anh T gửi tiền cho ông Huỳnh Hoàng G nhận giùm. Sau từng lần nhận tiền giùm thì ông Huỳnh Hoàng G đã giao toàn bộ số tiền đã nhận cho chị Huỳnh Ngọc T² nhưng vì là cha con nên không có làm biên nhận. Việc anh Trần Anh T cho rằng số tiền anh gửi về cho vợ chồng ông mượn là không đúng. Anh Trần Anh T là con rể gửi tiền về cho cha mẹ vợ nhận giùm để giao lại cho vợ của anh T là chị Huỳnh Ngọc T² làm lễ đính hôn, lễ cưới, để chị Huỳnh Ngọc T² mua tài sản, tiêu xài cá nhân, làm từ thiện... Vì thời gian đã lâu nên ông không nhớ rõ, nhưng việc anh Trần Anh T nói gửi mỗi lần từ 1.500 USD đến 2.000 USD thì không có, ông chỉ nhận mỗi lần từ 400 USD đến 500 USD.

Nay gia đình phát sinh mâu thuẫn, anh Trần Anh T dựa vào các lần chuyển tiền để cho rằng số tiền gửi về cho vợ chồng ông mượn là không đúng, nên không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của anh Trần Anh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Ngọc T² trình bày:

Trong thời gian chị với anh Trần Anh T đã đính hôn, sắp làm lễ cưới thì anh Trần Anh T có gửi tiền về cho cha mẹ của chị là ông Huỳnh Hoàng G, bà Nguyễn Thị U mượn 38 lần với tổng số tiền là 30.300 USD để choàng hụi và mua đất cất nhà. Sau khi xây nhà xong thì phát sinh mâu thuẫn nên cha mẹ đuổi chị ra khỏi nhà từ năm 2020 đến nay.

Việc ông Huỳnh Hoàng G cho rằng chị chưa làm giấy chứng minh nhân dân nên anh Trần Anh T gửi tiền cho ông Huỳnh Hoàng G nhận giùm chị là không đúng, vì chị đã được cấp giấy chứng minh nhân dân vào ngày 16/3/2015. Cùng thời gian anh Trần Anh T gửi tiền cho ông Huỳnh Hoàng G nhận thì anh

Trần Anh T cũng có gửi riêng cho chị nhận các số tiền khác, không nằm trong số tiền anh Trần Anh T gửi cho ông Huỳnh Hoàng G mượn.

Anh Trần Anh T kiện đòi ông Huỳnh Hoàng G, bà Nguyễn Thị U trả lại tiền là đúng. Riêng chị không có yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng các điều: 26, 37, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều: 165, 166, 274, 275, 288, 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Anh T;

Buộc ông Huỳnh Hoàng G và bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Trần Anh T số tiền Việt Nam đồng là 716.571.900 đồng;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/5/2024, bị đơn ông Huỳnh Hoàng G và bà Nguyễn Thị U có chung đơn kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của anh Trần Anh T.

Tại Quyết định số 97/QĐ-VKS-DS ngày 28/5/2024 và Công văn số 266/VKS-P9 ngày 29/5/2024, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long kháng nghị phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Lưu Thanh P giữ nguyên kháng cáo của ông Huỳnh Hoàng G và bà Nguyễn Thị U, yêu cầu bác khởi kiện của anh Trần Anh T. Ông G có giao tiền cho chị T², có làm biên nhận, ông G cũng có đơn phản tố nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu phản tố của ông G là không đúng.

Bà Nguyễn Thị U yêu cầu không chấp nhận khởi kiện của anh T, vì số tiền anh T gửi về đã chi phí cho chị T² trong lễ cưới, lễ hỏi và đưa cho chị T² sử dụng.

Anh Nguyễn Tấn T¹ không đồng ý kháng cáo của bị đơn. Ông G nhận tiền của anh T trong thời kỳ hôn nhân với bà Út nên bà Út có trách nhiệm liên đới với ông Giang là đúng.

Luật sư Nguyễn Minh Thái đề nghị xem xét Bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng. Bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã giao tiền lại cho chị T². Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo và kháng nghị hợp lệ; Bản án sơ thẩm đã xét xử đúng nên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút kháng nghị và đề nghị bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Huỳnh Hoàng G, bà Nguyễn Thị U và quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ, các đương sự vắng mặt đều có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa, nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại Điều 26, Điều 37 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Ông Huỳnh Hoàng G và bà Nguyễn Thị U có đơn phản tố yêu cầu vợ chồng anh Trần Anh T phải trả cho ông, bà 46 chỉ vàng, nhưng ông G, bà U không nộp tiền tạm ứng án phí phản tố nên Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Thông báo số 08/TB-TA ngày 23/02/2024 trả lại đơn yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Hoàng G và bà Nguyễn Thị U là đúng quy định tại Điều 192 và Điều 194 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vì vậy không có căn cứ để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu phản tố của ông G, bà U và do chưa được cấp sơ thẩm giải quyết nên, nên cũng không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm như yêu cầu của ông Nguyễn Thanh P tại phiên tòa phúc thẩm, mà ông Huỳnh Hoàng G và bà Nguyễn Thị U có quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long nên theo quy định tại khoản 3 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định số 97/QĐ-VKS-DS ngày 28/5/2024 và Công văn số 266/VKS-P9 ngày 29/5/2024 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long;

[4] Theo Công văn số 155/KHDA-QTRR ngày 21/02/2024 của Công ty Kiều hồi Đông Á và Sao kê giao dịch thể hiện từ ngày 05/3/2016 đến ngày 10/9/2018, ông Trần Anh T chuyển tiền về cho ông Huỳnh Hoàng G ký nhận tiền 39 lần với tổng số tiền là 31.900 USD.

Theo Công văn số 16/PC06 ngày 15/01/2024 của Phòng Cảnh sát quản lý về trật tự xã hội Công an tỉnh Vĩnh Long thì chị Huỳnh Ngọc T² đã được cấp giấy chứng minh nhân dân vào ngày 16/3/2015 nên việc ông Huỳnh Hoàng G trình bày do chị Huỳnh Ngọc T² chưa có giấy chứng minh nhân dân nên không thể nhận tiền của anh Trần Anh T từ nước ngoài gửi về nên ông nhận tiền giúp là không có cơ sở; Mặt khác, ông Huỳnh Hoàng G trình bày ông đã giao lại cho chị Huỳnh Ngọc T² toàn bộ số tiền ông đã nhận của anh Trần Anh T chuyển về, nhưng không được chị Huỳnh Ngọc T² thừa nhận. Ngoài lời trình bày đơn phương của mình, ông Huỳnh Hoàng G không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông đã giao tiền cho chị Huỳnh Ngọc T².

Ông Huỳnh Hoàng G đã nhận của anh Trần Anh T 31.900 USD, nhưng anh Trần Anh T chỉ đòi 30.300 USD là ít hơn số tiền ông Huỳnh Hoàng G đã nhận. Do đó, Bản án sơ thẩm đã buộc ông Huỳnh Hoàng G và bà Nguyễn Thị U hoàn trả cho anh Trần Anh T 716.571.900 đồng (quy đổi từ số tiền 30.300 USD) theo tỷ giá 23.649,23 đồng/USD (Tỷ giá USD ngày 13/5/2024 do Ngân hàng Nhà nước công bố là 24.271 đồng/USD) là có căn cứ.

[5] Ông Huỳnh Hoàng G và bà Nguyễn Thị U không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ và hợp pháp, nên không có căn cứ để chấp nhận, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Huỳnh Hoàng G và bà Nguyễn Thị U phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án, trách nhiệm do chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 284, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 97/QĐ-VKS-DS ngày 28/5/2024 và Công văn số 266/VKS-P9 ngày 29/5/2024 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long;

3. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Hoàng G, bà Nguyễn Thị U; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;

Buộc ông Huỳnh Hoàng G và bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho anh Trần Anh T số tiền Việt Nam đồng là 716.571.900 đồng (*Bảy trăm mười sáu triệu năm trăm bảy mươi một ngàn chính trăm đồng*) (là số tiền quy đổi từ số tiền 30.300 USD);

4. Ông Huỳnh Hoàng G và bà Nguyễn Thị U đều phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*)/người và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng (*Sáu trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0015022 và 0015023 cùng ngày 23/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án, trách nhiệm do chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN (b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Ý

Trần Thị Hòa Hiệp

Phạm Văn Công